

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-PT

Ngày: 05/5/2022

“Tranh chấp yêu cầu khôi phục lại
mương dẫn nước”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Võ Minh Tiến

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/4 và ngày 05/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về yêu cầu khôi phục lại mương dẫn nước*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2022/QĐ-PT ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐ-PT ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào N, sinh năm 1943

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1982, theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2019.

Cùng địa chỉ: Đội 7, thôn Ki, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Đình D, sinh năm 1978; địa chỉ: Đội 7, thôn Ki, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1982

3.2. Ông Đào Văn T1, sinh năm 1976

3.3. Bà Đào Thị S, sinh năm 1952

3.4. Bà Đặng Thị S1, sinh năm 1928

3.5. Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1977

3.6. Ông Đỗ Tấn T2, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn Ki, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

3.7. Bà Đỗ Thị Xuân M, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Ngọc Thạch, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Đào Thị S, Đặng Thị S1, Đỗ Ngọc A, Đỗ Tấn T2, Đỗ Thị Xuân M là ông Đỗ Đình D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Ki, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 12/12/2019.

3.8. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc L. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã T, thành phố Q, theo văn bản ủy quyền số 54/UBND ngày 25/4/2022.

3.9. Ông Bùi Đức Nh

3.10. Bà Nguyễn Thị L

Cùng địa chỉ: Đội 7, thôn Ki, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Đình D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 03/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đào N, người đại diện theo ủy quyền của ông N là bà Võ Thị T trình bày:*

Khoảng năm 1994, do nhu cầu tưới nước vào ruộng lúa nên ông Bùi Đức Nh, ông Nguyễn Đình Thắng và ông Đào N có be (đắp) một con mương tưới nước bằng đất qua thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 6 của ông Đỗ Tấn Lập và thửa đất số 1662, tờ bản đồ số 6 của ông Nguyễn Đình Thắng (nay đã cấp cho hộ ông Đỗ Lại) để dẫn nước từ giếng khoan về tưới cho thửa 1259 của ông Bùi Đức Nh và thửa 1257 của ông Đào N. Do mâu thuẫn cá nhân giữa gia đình ông Đào N với gia đình ông Đỗ Đình D nên năm 2018, ông Đỗ Đình D đã phá bỏ mương tưới nước đoạn qua các thửa đất ruộng số 1141 và 1662 nêu trên. Việc ông Đỗ Đình D tự ý phá bỏ mương dẫn nước nói trên làm ảnh hưởng đến việc tưới nước cho thửa đất số 1257 của ông Đào N. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc ông Đỗ Đình D phải khôi phục lại mương tưới nước có chiều dài 34,7m, lòng mương rộng 30cm, bờ mương bằng đất cao 25cm. Trường hợp phần diện tích đất sử dụng để làm mương nước thuộc các thửa đất số 1141 và 1662 của gia đình bị

đơn Đỗ Đình D thì ông Đào N đồng ý trả tiền giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 253 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Đình D trình bày:* Cha ông là ông Đỗ Tấn Lập có thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 6, diện tích 350m², tại thôn Ki, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất này do ông quản lý, sử dụng từ 2005 đến nay. Liền kề thửa đất 1141 là thửa đất số 1662, tờ bản đồ số 6, diện tích 300m² của ông Đỗ Lại là ông nội của ông. Năm 1997, ông Đỗ Lại cho ông Nguyễn Đình Thắng thuê thửa đất 1662 để canh tác đến năm 2016 thì gia đình thống nhất không cho thuê nữa, ông trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian thuê đất, ông Thắng và ông Bùi Đức Nh có xin ông Đỗ Tấn Lập, ông Đỗ Lại cho be một mương nhỏ dẫn nước từ giếng khoan để tưới vào thửa đất số 1662 và thửa đất số 1259 (do ông Bùi Đức Nh quản lý, sử dụng). Sau khi mương nước được hình thành, ông Đào N có sử dụng mương nước nói trên để dẫn nước tưới cho thửa đất số 1257 của ông Đào N. Năm 2018, khi ông trực tiếp quản lý, sử dụng cả hai thửa đất số 1141 và thửa 1662 thì ông Bùi Đức Nh không còn sử dụng mương đã be nêu trên nên ông đã phá mương để trồng hoa màu, hạn chế chuột, hạn chế nước rò rỉ vào thửa đất số 1141 và thửa đất số 1662. Việc ông phá mương là có sự thống nhất của ông Bùi Đức Nh. Nay ông Đào N khởi kiện yêu cầu khôi phục lại mương dẫn nước thì ông không đồng ý, vì phần diện tích đất mương nêu trên là thuộc thửa đất số 1141 và thửa đất số 1662 của cha và ông nội của ông nhưng trên thực tế thì cha và ông nội ông đã cho ông nên ông có quyền phá bỏ. Đồng thời, thửa đất ruộng của ông Đào N và ông Bùi Đức Nh đều giáp với mương tưới nước Bầu Quéo và có thể thực hiện việc cấp, thoát nước qua mương Bầu Quéo.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày:* Đối với thửa đất số 1257, tờ bản đồ số 6, thôn Ki, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi kể từ khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đến nay thì vợ chồng bà gieo sạ, trực tiếp sản xuất (trồng lúa). Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, bà được nguyên đơn (Đào N) ủy quyền tham gia tố tụng và thống nhất ý kiến với nguyên đơn Đào N.

** Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn gồm:* Bà Đào Thị S, Đặng Thị S1, Đỗ Ngọc A, Đỗ Tấn T2, Đỗ Thị Xuân M đều có ủy quyền cho ông Đỗ Đình D đại diện tham gia tố tụng, thống nhất với ý kiến của bị đơn Đỗ Đình D.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức Nh trình bày:* Thửa đất số 1259 của ông và thửa đất số 1257 của ông Đào N có tiếp giáp với mương Bầu Quéo ở vị trí phía Nam của các thửa đất. Tuy nhiên, việc cấp nước qua mương mà nguyên đơn yêu cầu mở lại là thuận lợi hơn. Vì vậy, ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét mở lại mương dẫn nước để thuận tiện hơn cho việc cung cấp nước trong canh tác.

** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng những người có quyền lợi, nghĩa*

vụ liên quan gồm ông Đào Văn T1 và bà Nguyễn Thị L đều không có ý kiến trình bày.

** Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T, thành phố Q là ông Trần Ngọc Lâm trình bày:*

Theo bản đồ đo vẽ năm 1998 thì không thể hiện có lối dẫn nước mà hiện nay các bên đang tranh chấp. Tuy nhiên, trên thực tế thì lối dẫn nước mà nguyên đơn yêu cầu mở lại đã có từ trước năm 1998. Theo bản đồ đo vẽ năm 2016 thì lối dẫn nước nói trên đã được thể hiện cụ thể trên bản đồ và nằm ngoài (không thuộc) các thửa đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bị đơn Đỗ Đình D. Trên thực tế thì phía Nam của thửa đất số 1257 (nay là thửa 1412) do nguyên đơn Đào N đang quản lý giáp với mương Bầu Quéo. Tuy nhiên, việc cung cấp nước từ kênh thủy lợi qua lối dẫn nước mà nguyên đơn yêu cầu mở lại vào các thửa đất số 1662 (nay là thửa số 1357), 1259 (nay là thửa số 1408) và 1257 (nay là thửa số 1412) là thuận lợi hơn so với việc cấp nước từ mương Bầu Quéo. UBND xã T đề nghị Tòa xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu mở lại lối dẫn nước của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông D không thực hiện được và có đề nghị UBND xã T hỗ trợ tổ chức thực hiện mở lại lối dẫn nước thì UBND xã T sẽ hỗ trợ để lối dẫn nước được mở lại theo đúng vị trí, hình thể, diện tích, kích thước theo bản đồ năm 2016 nhằm tạo điều kiện cung cấp nước sản xuất cho các hộ sử dụng đất trong khu vực.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào N về việc yêu cầu khôi phục (đắp) lại lối dẫn nước.

Buộc bị đơn là ông Đỗ Đình D có nghĩa vụ khôi phục (đắp) lại lối dẫn nước ở vị trí phía Đông của các thửa đất 1141 và 1662 (nay là thửa 1326 và 1357); bờ phía Đông của lối dẫn nước là bờ đất hiện tại giữa các thửa đất 1326-1323, 1357-819, tờ bản đồ số 6 xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; bờ phía Tây của lối dẫn nước (bờ phải khôi phục, đắp lại) nằm song song với bờ phía Đông; có chiều rộng, chiều cao của bờ từ 25cm đến 30cm và cách bờ phía Đông về phía Tây một đoạn để tạo thành lối dẫn nước (lòng mương rộng 30cm đến 40cm). Phía Bắc của lối dẫn nước giáp với kênh thủy lợi, đầu phía Nam giáp với thửa đất số 1259 (nay là thửa 1408), tờ bản đồ số 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể về tọa độ, vị trí, giới cận, kích thước chiều dài, chiều rộng của lối dẫn nước theo sơ đồ vị trí lối dẫn nước kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời bản án này.

Trường hợp bị đơn Đỗ Đình D không thực hiện việc khôi phục (đắp) lại lối dẫn nước theo quyết định trên thì nguyên đơn Đào N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành khôi phục (đắp) lại lối dẫn nước theo quyết

định trên và bị đơn Đỗ Đình D phải chịu tiền chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2021 bị đơn ông Đỗ Đình D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 08/10/2021, bị đơn ông Đỗ Đình D có đơn kháng cáo đối bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông Đỗ Đình D hợp lệ.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Bùi Đức Nh, Nguyễn Thị L và ông Đỗ Văn Thành đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.3] Về xác định quan hệ tranh chấp:

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Đình D phải khôi phục lại mương tưới nước có chiều dài 34,7m, lòng mương rộng 30cm, bờ mương bằng đất cao 25cm nằm ở vị trí phía Đông của các thửa đất 1141 và 1662 (nay là thửa 1326 và 1357), tờ bản đồ số 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp về quyền hưởng dụng - yêu cầu khôi phục lại lối dẫn nước*”. Tuy nhiên, theo bản đồ đo vẽ năm 2016 thì mương dẫn nước mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn khôi phục lại đã được thể hiện cụ thể trên bản đồ và nằm ngoài các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cùng ngày 30/12/2017 cho ông Đỗ Tấn Lập và ông Đỗ Lại, đối với hai thửa đất

số 1141 và 1662 (nay là thửa 1326 và thửa 1357 cùng tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 2016 xã T).

Tại Điều 257 của Bộ luật dân sự 2015 về quyền hưởng dụng quy định như sau: *“Quyền hưởng dụng là quyền của chủ thể được khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác trong một thời hạn nhất định”*.

Như vậy, nương dẫn nước mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải khôi phục lại không nằm trong các thửa đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Tấn Lập, ông Đỗ Lại, không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị đơn. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp như trên là chưa chính xác. Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *“Tranh chấp yêu cầu khôi phục lại nương dẫn nước”* phù hợp với quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận: Thửa đất số 1662 (nay là thửa 1357, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 2016, xã T) của ông Đỗ Lại cho ông Nguyễn Đình Thắng thuê canh tác từ năm 1997, đến khoảng năm 2016 thì ông Thắng trả lại đất. Hiện nay, bị đơn đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này. Mặt khác, như đã nhận định trên thì diện tích nương dẫn nước mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn khôi phục lại nằm ngoài các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cùng ngày 30/12/2017 cho ông Đỗ Tấn Lập và ông Đỗ Lại đối với hai thửa đất số 1141 và 1662 (nay là thửa 1326 và thửa 1357 cùng tờ bản đồ số 6 đo vẽ năm 2016 xã T). Do đó, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa đầy đủ người tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ trình bày của nguyên đơn, bị đơn, đại diện UBND xã T và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có căn cứ để xác định: Nương dẫn nước mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải khôi phục lại được hình thành trước năm 1998, nằm ở phía Đông của các thửa đất 1141 và 1662 (nay là thửa 1326 và 1357) và nằm phía Đông bắc của thửa 1257 (nay là thửa 1412), tờ bản đồ số 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; đầu phía Bắc của nương dẫn nước giáp với kênh thủy lợi, đầu phía Nam giáp với thửa đất số 1259 (nay là thửa 1408 của ông Bùi Đức Nh), tờ bản đồ số 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Việc hình thành nương dẫn nước nêu trên là tự phát, trên cơ sở thống nhất thỏa thuận của các hộ dân gồm: Ông Nguyễn Đình Thắng (thuê thửa 1662 của ông Đỗ Lại), ông Bùi Đức Nh và ông Đào N nhằm đáp ứng nhu cầu tưới nước cho sản xuất nông nghiệp tại các thửa đất 1662, 1257 và 1259 (nay là các thửa 1357, 1412 và 1408), tờ bản đồ số 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tại Biên bản làm việc ngày 16/12/2019, ngày 25/4/2022, UBND xã T, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T xác định nương dẫn nước này nằm trên phần đất thuộc UBND xã T quản lý. Tuy nhiên, nương nước nói trên không phải do UBND xã T, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã T mở (đào, đắp) mà do các hộ dân tự đắp để dẫn

nước tưới, nên không thuộc thẩm quyền quản lý và không thu thủy lợi phí đối với những hộ dân sử dụng mương dẫn nước này.

[2.2] Theo Biên bản làm việc ngày 04/6/2021 và Trích lục bản đồ địa chính đo vẽ năm 2016 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi cung cấp thể hiện: Thửa đất số 1141, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 1326, tờ bản đồ số 6) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Tấn Lập; thửa đất số 1662, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa đất số 1357, tờ bản đồ số 6) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Lại không bao gồm phần diện tích đất làm mương dẫn nước mà các đương sự đang tranh chấp. Mương dẫn nước mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn khôi phục lại đã được thể hiện cụ thể trên bản đồ và nằm ngoài hai thửa đất 1326 và 1357 nêu trên. Vì vậy, đây là mương dẫn nước chung của các hộ dân, không thuộc phần đất cấp cho cá nhân, hộ gia đình nào. Do đó, việc bị đơn ông Đỗ Đình D cho rằng mương dẫn nước là thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bị đơn nên đã tự ý phá bỏ mương dẫn nước là hành vi trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nước tưới để sản xuất nông nghiệp của các hộ dân nói trên trong đó có gia đình ông Đào N.

[2.3] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, UBND xã T trình bày thực tế thì phía Nam của thửa đất số 1257 (nay là thửa 1412) do nguyên đơn Đào N đang quản lý giáp với mương Bầu Quéo nhưng việc cung cấp nước từ kênh thủy lợi qua mương dẫn nước mà nguyên đơn yêu cầu mở lại vào các thửa đất số 1662 (nay là thửa số 1357), 1259 (nay là thửa số 1408) và 1257 (nay là thửa số 1412) là thuận lợi hơn so với việc cấp nước từ mương Bầu Quéo; đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 25/4/2022, UBND xã T xác định từ trước đến nay, UBND xã T không quản lý, điều tiết nước qua con mương nêu trên nên việc ông D tự ý phá bỏ mương nước không thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý hành chính của UBND xã T; đề nghị Tòa xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu mở lại lối dẫn nước của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông D không thực hiện được và có đề nghị UBND xã T hỗ trợ tổ chức thực hiện việc mở lại mương dẫn nước thì UBND xã T sẽ hỗ trợ để mương nước được mở lại theo đúng vị trí, hình thể, diện tích, kích thước theo bản đồ năm 2016 nhằm tạo điều kiện cung cấp nước sản xuất cho các hộ sử dụng đất trong khu vực.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Đình D phải khôi phục (đắp) lại mương dẫn nước mà bị đơn đã phá dỡ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án đã tuyên “*Trường hợp bị đơn Đỗ Đình D không thực hiện việc khôi phục (đắp) lại lối dẫn nước theo quyết định trên thì nguyên đơn Đào N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành khôi phục (đắp) lại lối dẫn nước theo quyết định trên và bị đơn Đỗ*

Đình D phải chịu tiền chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật” là không cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên án cho đúng pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Đình D phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số 0000149, ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Đình D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 159, 164, 169, 253 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào N về việc yêu cầu khôi phục (đắp) lại mương dẫn nước.

Buộc bị đơn ông Đỗ Đình D có nghĩa vụ khôi phục (đắp) lại mương dẫn nước ở vị trí phía Đông của các thửa đất 1141 và 1662, tờ bản đồ số 6, xã T (nay là thửa 1326 và 1357, tờ bản đồ số 6); bờ phía Đông của mương nước là bờ đất hiện tại giữa các thửa đất 1326-1323, 1357-819, tờ bản đồ số 6 xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; bờ phía Tây của mương nước (bờ phải khôi phục, đắp lại) nằm song song với bờ phía Đông; có chiều rộng, chiều cao của bờ từ 25cm đến 30cm và cách bờ phía Đông về phía Tây một đoạn để tạo thành mương nước (lòng mương rộng 30cm đến 40cm). Phía Bắc của mương nước giáp với kênh thủy lợi, đầu phía Nam giáp với thửa đất số 1259 (nay là thửa 1408), tờ bản đồ số 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án này).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Đình D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng. Ông Đào N đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên buộc ông Đỗ Đình D phải thanh toán lại cho ông Đào N số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Đình D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Đình D phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông D đã nộp theo biên lai thu số 0000149, ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng